

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2020/HS-ST**

Ngày: 12/06/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Cẩm Tiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Quốc Thuần**

+ Ông **Nguyễn Văn Bé**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đỗ Thanh Phong** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:**  
Bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/HSST-QĐ ngày 05 tháng 06 năm 2020 đối với bị cáo:

**LÊ HỮU A** - Sinh ngày 12/9/1992; tại: tỉnh Tiền Giang.

- Nơi cư trú: khu phố M, phường N, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Số CMND: 312129620; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Hữu B, sinh năm 1965 và bà Lê Thị C, sinh năm 1963; bị cáo có vợ Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1986, có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02/03/2020 và chuyển tạm giam ngày 11/03/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* **Bị hại:** Chung Thị Ngọc K, sinh năm: 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M2, xã N2, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

\* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Lê Thị C, sinh năm: 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố M, phường N, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

- Võ Quốc E, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố M1, phường N1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định trộm cắp tài sản, khoảng 10 giờ 20 phút ngày 28/02/2020, bị cáo Lê Hữu A điều khiển xe mô tô 63B9-825.47 đi trên các tuyến đường huyện Chợ Gạo để tìm tài sản trộm. Do trời nắng nên bị cáo vào quán nước của chị Cao Thị G, sinh năm 1966, ngụ ấp M2, xã N2 để nghỉ chân. Đến 14 giờ cùng ngày thì điều khiển xe quay về hướng Mỹ Tho. Khi đi ngang nhà anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1978, ngụ ấp M2, xã N2, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang thấy nhà khóa cửa, không có cửa rào, không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định vào nhà để tìm tài sản trộm. Bị cáo điều khiển xe vào trong sân nhà anh H, rồi dùng kiếm cộng lực mang theo cắt khoen cửa bên hông nhà. Khi vào trong nhà bị cáo tìm tài sản có giá trị để lấy nhưng không có thì phát hiện trên bộ ván gần chiếc xe mô tô 63B4-56004 có một bóp giấy tờ kiểm tra bên trong có giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy phép lái xe Chung Thị Ngọc K, sinh năm 1979 (vợ anh H) nên nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe mô tô trên. Bị cáo lấy toàn bộ giấy tờ trên đi bộ ra ngoài điều khiển xe mô tô 63B9-825.47 lại quán nước của chị Cao Thị G để gửi xe nhưng chị G không cho nên điều khiển xe 63B9-825.47 đến nhà trọ Hoàng Phúc gần nhà anh H để gửi xe sau đó đi bộ lại nhà anh H và lấy trộm xe mô tô 63B4-56004. Sau khi lấy được tài sản thì điều khiển xe hướng về địa bàn Thành phố Mỹ Tho. Trên đường đi, bị cáo tháo bỏ kính chiếu hậu bên phải bỏ nhưng không nhớ đoạn nào. Đến ngày 29/02/2020, bị cáo đem xe mô tô 63B4-56004 cầm cho Võ Quốc E, sinh năm 1983, ngụ Khu phố M1, Phường N1, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre với giá 12.000.000đ sau đó quay lại nhà trọ Hồng Phúc lấy xe mô tô 63B9-825.47 thì bị bắt giữ.

Theo biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chợ Gạo số 27/BKLDGTS ngày 06/03/2020 xác định: 01 xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Honda, số loại: VISION, màu sơn: Đỏ - Đen, dung tích 108<sup>cc</sup>, biển số 63B4-560.04, số máy JF66E0427494, số khung: 5810GY466990, đơn giá 36.600.000đ/ chiếc, tỷ lệ sử dụng còn lại là 70%, trị giá 25.620.000đ.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKSCG ngày 15/05/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo truy tố bị cáo Lê Hữu A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

\* Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38 và điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo A từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại chị Chung Thị Ngọc K đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên không xem xét. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Quốc E yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 12.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nhưng xin sau khi chấp hành xong hình phạt sẽ bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về vật chứng trong vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản cho bị hại và người có liên quan gồm:

+ Trả cho bị hại Chung Thị Ngọc K: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Vison màu đỏ, biển số 63B4-560.04; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Chung Thị Ngọc K; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 63B4-560.04

+ Trả cho bà Lê Thị C: 01 (một) xe mô tô dạng Dream, màu nho biển số 63B9-825.47 cùng giấy đăng ký xe.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) kèm cộng lực dài 30cm, lưỡi bằng thép màu trắng, cán bằng thép màu xanh có bọc nhựa màu đen; 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu trắng, trên quay dép có hình cá sấu màu xanh và 01 (một) áo khoác bằng vải dù màu xanh, hiệu Vogue, cổ áo và tay áo, bo áo bằng thun có sọc đen, trắng xanh;

\* Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Gạo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức được rằng hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại trị giá 25.620.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì:

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.*

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đang ở độ tuổi thanh niên, đủ sức lao động để tạo của cải vật chất, phục vụ nhu cầu cá nhân, tự nuôi sống bản thân, giúp ích cho gia đình, xã hội nhưng do bản tính lười lao động, chỉ muốn hưởng thụ nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác để thực hiện hành vi trộm tài sản. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó cần có mức hình

phạt thật nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong lúc lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại chị Chung Thị Ngọc K đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Võ Quốc E yêu cầu bị cáo A bồi thường số tiền bị cáo nhận khi cầm xe là 12.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nhưng xin sau khi chấp hành án xong. Anh E không đồng ý nên buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho anh Võ Quốc E số tiền 12.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Vison màu đỏ, biển số 63B4-560.04; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Chung Thị Ngọc K; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 63B4-560.04 đã trả lại cho bị hại là chị Chung Thị Ngọc K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ 01 (một) xe mô tô dạng Dream, màu nho biển số 63B9-825.47 cùng giấy đăng ký xe. Xe này của bà Lê Thị C (mẹ bị cáo A) đứng tên chủ sở hữu, việc bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản thì bà C không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả xe cùng giấy đăng ký xe cho bà C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ 01 (một) kèm cộng lực dài 30cm, lưỡi bằng thép màu trắng, cán bằng thép màu xanh có bọc nhựa màu đen là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi trộm tài sản nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu trắng, trên quay dép có hình cá sấu màu xanh và 01 (một) áo khoác bằng vải dù màu xanh, hiệu Vogue, cổ áo và tay áo, bo áo bằng thun có sọc đen, trắng xanh, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và hướng xử lý vật chứng, giải quyết trách nhiệm dân sự là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo **Lê Hữu A** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38 và điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu A **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 02/03/2020.

\* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Hữu A có trách nhiệm bồi thường cho anh Võ Quốc E số tiền **12.000.000** đồng (Mười hai triệu đồng).

Thời gian bồi thường khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Võ Quốc E có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Lê Hữu A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) kèm cộng lực dài 30cm, lưới bằng thép màu trắng, cán bằng thép màu xanh có bọc nhựa màu đen; 01 (một) đôi dép bằng nhựa, màu trắng, trên quay dép có hình cá sấu màu xanh và 01 (một) áo khoác bằng vải dù màu xanh, hiệu Vogue, cổ áo và tay áo, bo áo bằng thun có sọc đen, trắng xanh.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 05 năm 2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Gạo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo).*

\* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng án phí dân sự trong hình sự. Tổng cộng bị cáo phải chịu 800.000 đồng án phí sơ thẩm.

\* Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo;
- Cơ quan Điều tra- Công an huyện Chợ Gạo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo;
- Nhà tạm giữ- Công an huyện Chợ Gạo;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***(đã ký)***Phan Thị Cẩm Tiên**